



wú lǐ
无礼

adjective · rude, impolite

Example Sentences

tā duì zhǎng bèi shuō huà hěn wú lǐ
他对长辈说话很无礼。

He is very rude when speaking to elders.

wú lǐ de xíng wéi huì ràng rén tǎo yàn
无礼的行为会让人讨厌。

Rude behavior makes people dislike you.

Trace each character, then write the word on your own.

无	无	无	无	无	无	无													
礼	礼	礼	礼	礼	礼	礼	礼												